

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VÀN TẬN CƯỜNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

Trang

1	1	Mục lục
2 - 4	2	Báo cáo của Ban Giám đốc
5 - 6	3	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ
7 - 10	4	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018
11	5	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
12 - 13	6	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
14 - 40	7	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



BẢO CẠO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh năm lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ năm vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovanantancang@saiگونnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuộc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phùng Ngọc Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Năng Toàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2016
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Trịnh Văn Mọt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Phi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Hồng Diễm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Ngô Đa Nhiệm Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Vũ Ngọc Huy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Huỳnh Thế Nhân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018

Ban Giám đốc

Họ và tên

Ông Trần Quang Thảo

Ông Bùi Quang Huy

Ông Trần Minh Lăng

Ông Trần Quang Thảo

Ông Nguyễn Duy Thanh

Ông Đoàn Phi

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo (bỏ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

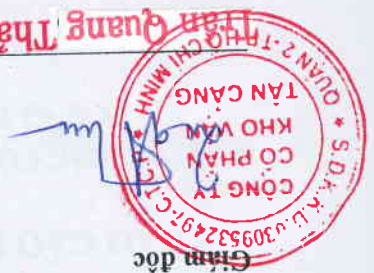
Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Tân Quang Thảo

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

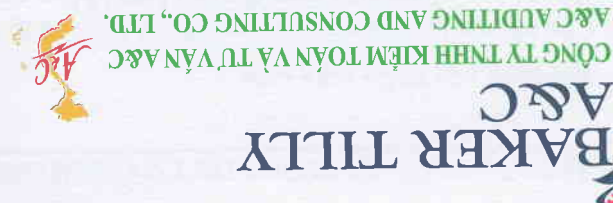
Trách nhiệm của Ban Giám đốc
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2018, từ trang 7 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kính gửi: CÁC CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Số: 2.0538/18/TC-AC

Headquarters : 02 Trung Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Bảo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Bảo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Giám đốc - Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

HAN
VAN
6

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
Tài ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã Thuyết số minh
Số cuối kỳ
Số đầu năm

TÀI SẢN		Mã Thuyết số minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGÂN HÀNG				
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	254.932.061.193	249.309.455.852
1.	Tiền	110	137.671.353.330	142.394.469.489
		111	3.671.353.330	2.394.469.489
		112	134.000.000.000	140.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Chứng khoán kinh doanh	120	-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	121	-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122	-	-
		123	-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	130	112.376.695.254	101.284.633.881
		131	96.384.255.441	92.797.675.524
		132	2.885.787.912	1.589.370.809
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	133	-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	134	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	135	-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	136	13.235.807.905	7.026.743.552
6.	Phải thu ngắn hạn khác	137	(129.156.004)	(129.156.004)
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	140	2.050.825.336	2.055.346.544
IV.	Hàng tồn kho	V.7	2.050.825.336	2.055.346.544
1.	Hàng tồn kho	141	2.050.825.336	2.055.346.544
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	V.8a	2.833.187.273	3.575.005.938
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	150	2.833.187.273	3.575.005.938
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151	-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	153	-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	154	-	-
		155	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã	Thuyết	Số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		số	minh	đơn	đơn	đơn
		chức	đơn	đơn	đơn	đơn
B - TÀI SẢN DÀI HẠN						
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		174.097.000		
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-		
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-		
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-		
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-		
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-		
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	174.097.000		
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-		
II.	Tài sản cố định	220		217.340.780.733		240.077.149.276
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	215.398.017.794	237.715.768.718	237.715.768.718
	Nguyên giá	222		464.543.180.325	463.210.531.234	463.210.531.234
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(249.145.162.531)	(225.494.762.516)	(225.494.762.516)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-	-
	Nguyên giá	225		-	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.942.762.939	2.361.380.558	2.361.380.558
	Nguyên giá	228		3.698.631.800	3.698.631.800	3.698.631.800
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.755.868.861)	(1.337.251.242)	(1.337.251.242)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-	-
	Nguyên giá	231		-	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	3.653.566.801	3.653.566.801	3.653.566.801
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.653.566.801	3.653.566.801	3.653.566.801
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.080.000.000	24.080.000.000	24.080.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.2	23.000.000.000	23.000.000.000	24.080.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.2	1.080.000.000	1.080.000.000	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		4.826.082.906	7.634.684.176	7.634.684.176
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.460.991.925	6.782.688.567	6.782.688.567
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.365.090.981	851.995.609	851.995.609
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		505.006.588.633	524.754.856.105	524.754.856.105

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Mã
Thuyết
số
minh

Số cuối kỳ

Số đầu năm

NGUỒN VỐN

C - NỢ PHẢI TRẢ

300

220.180.412.969

234.515.051.926

I. Nợ ngắn hạn

1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	55.496.877.815	139.588.042.422	139.484.213.019
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-	130.735.817
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.565.363.872	4.732.085.057	4.732.085.057
4.	Phải trả người lao động	314		9.910.385.941	28.386.865.407	28.386.865.407
5.	Phải trả người bán ngắn hạn	315	V.15	7.523.609.381	4.259.978.046	4.259.978.046
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	21.515.055.239	6.080.252.163	6.080.252.163
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	28.876.936.720	28.876.936.720	28.876.936.720
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-	-
12.	Quy khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	8.699.813.454	9.333.034.622	9.333.034.622
13.	Quy bình ổn giá	323		-	-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-	-
II. Nợ dài hạn		330		80.592.370.547	95.030.838.907	95.030.838.907
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	22.330.000	22.330.000	22.330.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	80.570.040.547	95.008.508.907	95.008.508.907
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-	-
13.	Quy phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TẬN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Ma	số	Thuyết
Số đầu năm	Số cuối kỳ	Thuyết	minh	

D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

I. Vốn chủ sở hữu

1. Vốn góp của chủ sở hữu

- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*

- *Cổ phiếu ưu đãi*

2. Thặng dư vốn cổ phần

3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu

4. Vốn khác của chủ sở hữu

5. Cổ phiếu quỹ

6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

8. Quỹ đầu tư phát triển

9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*

- *LNST chưa phân phối kỳ này*

12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác

1. Nguồn kinh phí

2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

440	505.006.588.633	524.754.856.105
-----	-----------------	-----------------

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Giám đốc

Trần Quang Thảo



Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan



Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị tính: VND)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND
Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này
Năm nay Năm trước

CHI TIẾT	số mình	Thuyết	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	276.810.302.835	262.417.070.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	276.810.302.835	262.417.070.536
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	227.199.325.928	202.821.630.461
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.610.976.907	59.595.440.075
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.911.430.090	3.268.508.934
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.273.378.658	5.947.426.565
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.273.372.883	5.917.210.139
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.644.734.089	2.629.077.643
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.769.348.433	14.570.765.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.834.945.817	39.716.678.982
11. Thu nhập khác	31	VI.7	516.142.333	285.945.688
12. Chi phí khác	32	VI.8	667.576.697	182.701.668
13. Lợi nhuận khác	40		(151.434.364)	103.244.020
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.683.511.453	39.819.923.002
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6.804.564.608	7.581.278.586
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(513.095.372)	547.982.551
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.392.042.217	31.690.661.865
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Kế toán trưởng

Người lập biên

Võ Thị Xuân Lan

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2018



Handwritten signature of Võ Thị Xuân Lan

Handwritten signature of Nguyễn Thị Hồng Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã Thuyết số minh
Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU

Năm nay Năm trước

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

1. Lợi nhuận trước thuế 01 31.683.511,453 39.819,923,002

2. Điều chỉnh cho các khoản:

- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư 02 V.9, V.10 24.606,170,670 24.443,263,086

- Các khoản dự phòng 03 - -

- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ 04 (519,811) 750

- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư 05 (6.042,525,104) (3.218,825,366)

- Chi phí lãi vay 06 5.273,372,883 5.917,210,139

- Các khoản điều chỉnh khác 07 - -

3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động

08 55.520,010,091 66.961,571,611

- Tăng, giảm các khoản phải thu 09 (8.495,527,178) (16.306,579,172)

- Tăng, giảm hàng tồn kho 10 4.521,208 (375,570,861)

- Tăng, giảm các khoản phải trả 11 (19.361,176,403) 8.800,166,766

- Tăng, giảm chi phí trả trước 12 4.063,515,307 1.598,274,377

- Tăng, giảm chung khoản kinh doanh 13 - -

- Tiền lãi vay đã trả 14 (4.575,218,405) (5.059,496,663)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp 15 (4.027,158,412) (8.865,662,261)

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh 16 75.000,000 -

- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh 17 (4.517,027,500) (3.331,200,000)

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

20 18.686,938,708 43.421,503,797

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác 21 (2.018,376,364) (28.941,460,466)

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác 22 280,262,545 -

3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác 23 - -

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác 24 - -

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 25 - -

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 26 - -

7. Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 27 3.140,302,096 3.211,428,147

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

30 1.402,188,277 (25.730,032,319)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Mã Thuyết số minh	CHỈ TIÊU	
	Năm nay	Năm trước

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

III. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành
3. Tiền thu từ đi vay
4. Tiền trả nợ gốc vay
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính
6. Cò tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

	31	32	33	34	35	36	40	50	60	70	V.1
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	-	-	-	(14.438.468,360)	(10.374.198,100)	(24.812.666,460)	(4.723.539,475)	142.394.469,489	142.394.469,489	137.671.353,330	137.671.353,330
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	-	-	-	(14.438.468,360)	(10.374.198,100)	(24.812.666,460)	(4.723.539,475)	142.394.469,489	142.394.469,489	137.671.353,330	137.671.353,330
Tiền và tương đương đầu năm	-	-	-	(13.273.721,860)	(10.374.198,100)	(4.080.582,720)	21.772.054,198	124.937.770,443	124.937.770,443	146.709.823,891	146.709.823,891
Tiền và tương đương cuối kỳ	-	-	-	18.378.047,000	(1.023.742,420)	4.080.582,720	21.772.054,198	124.937.770,443	124.937.770,443	146.709.823,891	146.709.823,891

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Giám đốc



Kho Vạn Tân Cảng
Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Võ Thị Xuân Lan

Người lập biểu

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Hồng Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuộc bảo vệ thực vật);

- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đóng lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thiếp	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bóc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng	phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh				
Hiệp Lực ⁽¹⁾					

Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ít hơn 50% nhưng Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị của công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty con" trên Báo cáo tài chính.

Tại ngày 04 tháng 6 năm 2018 Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã chuyển đổi hình thức sở hữu, qua đó Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng không còn quyền kiểm soát và khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên kết" trên Báo cáo tài chính.

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền lợi ích biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%
Hiệp Lực ⁽ⁱ⁾				

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
 Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên
 Tài ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 470 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 474 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
 Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
 Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ
 Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luông tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận tiền của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thương xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thương xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công cộng chỉ phi liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tài và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tài công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tồn thất là Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phân ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu qua hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa qua hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc nguyên vật liệu được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8.

Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

10.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tăng thêm thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang qua trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
 - Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
 - Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng đối kê toàn căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.

- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của năm sau.

17.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bản thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu

nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí lãi vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lãi kỳ bình quân giữa quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân giữa quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi nhận tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi nhận của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yêu cầu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo tính vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Số cuối kỳ	Số đầu năm
124.484.749	646.660.945
3.546.868.581	1.747.808.544
134.000.000.000	140.000.000.000
137.671.353.330	142.394.469.489

Tiền mặt
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn
Tiền gửi ngân hàng (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾	23.000.000	23.000.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱⁱ⁾	108.000	108.000	1.080.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.080.000.000	24.080.000.000	24.080.000.000
Công			

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 23.000.000 VND (2.300.000 cổ phần) tương đương 57,50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực 1.080.000.000 VND tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết.

Giá trị hợp lý
Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con
Các công ty con của Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết
Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

Kỳ này	Kỳ trước
1.292.318.284	452.981.190
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	Cung cấp dịch vụ cho Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ trước	Kỳ này		
18.050.604.275	27.495.038.031	Sử dụng dịch vụ của Công ty con	Sử dụng dịch vụ của Công ty con
2.300.000.000	2.760.000.000	Cổ tức nhận được từ Công ty con	Cổ tức nhận được từ Công ty con
	285.262.545	Bản tài sản cho Công ty con	Bản tài sản cho Công ty con
1.726.020.800	329.174.000	Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
281.737.200	258.613.200	Sử dụng dịch vụ của Công ty con	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
648.000.000	81.185.000	Công ty cung cấp dịch vụ	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
	88.525.680	Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
Số đầu năm	Số cuối kỳ	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Phải thu các bên liên quan
50.024.911.378	42.728.382.919	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty Cổ phần Vạn Tải Bộ Tân Cảng
47.466.552.279	38.754.945.160	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái
78.546.900	181.401.500	Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
1.283.906.150	2.310.536.500	Công ty Cổ phần Tân Cảng	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
209.865.947	770.156.553	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
352.686.620	122.868.774	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
32.940.300	32.459.250	Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
55.000.000	39.752.000	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
514.338.182	497.838.182	Công ty Cổ phần Container Lạnh Tân Cảng	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
31.075.000	18.425.000	Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
42.772.764.146	53.655.872.522	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
92.797.675.524	96.384.255.441	Phải thu các khách hàng khác	Phải thu các bên liên quan
Số đầu năm	Số cuối kỳ	Trả trước cho người bán ngắn hạn	Trả trước cho người bán ngắn hạn
657.299.191	657.299.191	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng
657.299.191	657.299.191	Trả trước cho các người bán khác	Trả trước cho các người bán khác
932.071.618	2.228.488.721	Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Vận tải An Gia	Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Vận tải An Gia
800.000.000	1.100.000.000	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam
68.616.000	396.475.200	Công ty TNHH Thương mại Phước An	Công ty TNHH Thương mại Phước An
63.455.618	44.792.000	Công ty TNHH A.D.A	Công ty TNHH A.D.A
	119.061.523	Các nhà cung cấp khác	Các nhà cung cấp khác

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.885.787.912	1.589.370.809

Công

5. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.280.884.014	652.564.393

Phải thu các bên liên quan

Tiền ăn ca, phí làm hàng phải thu	454.001.938	395.448.600
Công ty TNHH Một thành viên Tổng		
Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Các khoản chi hộ:		
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	1.004.555.377	198.159.094
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng -		
Long Bình	3.430.000	3.430.000
- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng -		
Cảng Bình	2.063.000	2.063.000
- Công ty TNHH Tân Cảng - Tây		
Ninh	54.183.699	7.790.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân		
Cảng	2.650.000	41.388.699
- Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân		
Cảng	1.635.000	2.650.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền		
Trung	2.760.000.000	1.635.000
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái -		
Cổ tức	8.954.923.891	6.374.179.159

Phải thu các tổ chức và cá nhân khác

Phải thu BHXH, BHYT	23.595.371	591.766.667
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	602.301.367	2.834.759.485
Tạm ứng	4.010.625.061	250.000.000
Kỳ cược, kỳ quy	250.000.000	1.129.846.941
hộ	2.951.710.217	1.567.030.193
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn - chi		
hộ	1.114.878.886	1.129.846.941
Các khoản chi hộ	1.541.327	775.873
Truy thu tiền thuế TNCN	271.662	775.873
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.235.807.905	7.026.743.552

5b. Phải thu ngắn hạn khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
174.097.000	174.097.000

Kỳ cược, kỳ quy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Nợ xấu là khoản phải thu tiền cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam, đã có thời gian quá hạn trên 3 năm, giá gốc 129.156.004 VND, giá trị có thể thu hồi 0 VND.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

Số đầu năm	Số cuối năm
129.156.004	129.156.004
Kỳ trước	Kỳ này

Số đầu năm
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng

Số cuối kỳ

7. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu

2.050.825.336

2.055.346.544

Giá gốc

Giá gốc

Số cuối kỳ

Số đầu năm

8. Chi phí trả trước ngắn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí công cụ dụng cụ

113.595.821

278.063.893

Chi phí sửa chữa tài sản

691.378.677

629.301.496

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác

2.028.212.775

2.667.640.549

Cộng

2.833.187.273

3.575.005.938

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ dụng cụ

981.802.276

1.048.906.211

Chi phí sửa chữa tài sản

1.839.551.758

5.202.376.165

Các chi phí trả trước dài hạn khác

639.637.891

531.406.191

Cộng

3.460.991.925

6.782.688.567

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	141.379.997.649	163.468.448.584	107.660.842.761	4.870.426.199	45.830.816.041	463.210.531.234
Mua trong kỳ			1.896.290.910		122.085.454	2.018.376.364
Đầu tư XD/CB hoàn thành						
Phân loại lại				(685.727.273)		(685.727.273)
Thanh lý nhượng bán	141.379.997.649	163.468.448.584	108.871.406.398	4.870.426.199	45.952.901.495	464.543.180.325
Số cuối kỳ						
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		56.338.016.362	6.774.749.909	4.182.753.268	1.373.297.704	68.668.817.243
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	44.576.350.571	105.695.083.509	52.250.808.047	4.612.584.058	18.359.936.331	225.494.762.516
Khấu hao trong kỳ	5.251.194.658	6.689.504.697	7.743.670.578	149.253.159	4.353.929.959	24.187.553.051
Thanh lý, nhượng bán			(537.153.036)			(537.153.036)
Số cuối kỳ	49.827.545.229	112.384.588.206	59.457.325.589	4.761.837.217	22.713.866.290	249.145.162.531
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	96.803.647.078	57.773.365.075	55.410.034.714	257.842.141	27.470.879.710	237.715.768.718
Số cuối kỳ	91.552.452.420	51.083.860.378	49.414.080.809	108.588.982	23.239.035.205	215.398.017.794

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 80.124.258.685 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

Số đầu năm	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	3.698.631.800	(1.337.251.242)	2.361.380.558
Tăng do mua sắm trong kỳ			
Khấu hao trong kỳ	(418.617.619)	(1.755.868.861)	1.942.762.939
Số cuối kỳ	3.698.631.800	(1.755.868.861)	1.942.762.939

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 242.395.000 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Kết chuyển vào TSCĐ trong năm

Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối kỳ
Số đầu năm	3.653.566.801	3.653.566.801
Mua sắm tài sản cố định	3.653.566.801	3.653.566.801
Xây dựng cơ bản dở dang	2.398.465.181	2.398.465.181
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	32.537.120	32.537.120
Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	1.222.564.500	1.222.564.500
Phần mềm kho ngoại quan	3.653.566.801	3.653.566.801

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	851.995.609	1.218.163.804
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.365.090.981	670.181.253
Phát sinh trong kỳ	(851.995.609)	(1.218.163.804)
Hoàn nhập trong kỳ	1.365.090.981	670.181.253
Số cuối kỳ	1.365.090.981	670.181.253

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%)

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA MIỀN ĐÓ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Số đầu năm	Số cuối kỳ	Phải trả các bên liên quan
33.806.176.172	37.887.831.555	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
	125.328.720	Công ty Cổ phần Tân Cảng - Hiệp Lực
90.572.460	8.562.968.594	Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái
6.818.144.014	678.254.575	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình
548.117.005	1.192.334.550	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sông Thành
1.004.351.590	2.131.371.503	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
2.004.572.450	129.688.490	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
238.910.900		Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC
76.554.400	60.877.278	Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng
58.116.663	1.533.604.100	Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng
1.076.396.610	609.496.200	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
475.569.950	154.598.400	Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
75.000.200	206.881.400	Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu
199.686.300	17.609.046.260	Phải trả các nhà cung cấp khác
23.878.149.015	55.496.877.815	Cộng
57.684.325.187		

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
2.379.143.848	13.424.031.701 (13.338.959.877)	2.464.215.672	
			Thuế GTGT hàng bán nội địa
			Thuế GTGT hàng nhập khẩu
			Thuế xuất, nhập khẩu
1.627.158.412	6.804.564.608 (4.027.158.412)	4.404.564.608	Thuế thu nhập doanh nghiệp
725.782.797	2.173.925.981 (2.203.125.186)	696.583.592	Thuế thu nhập cá nhân
	3.000.000	(3.000.000)	Các loại thuế khác
			Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác
4.732.085.057	22.405.522.290 (19.572.243.475)	7.565.363.872	Cộng

Thuế giá trị gia tăng
 Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Năm nay	Năm trước
31.683.511.453	39.819.923.002

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
 Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế
 toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập
 doanh nghiệp:

9.359.809.445

- Các khoản điều chỉnh tăng

2.534.354.542

Chi phí không hợp lý hợp lệ

6.825.454.903

Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ

7.582.415

Lãi chênh lệch tỷ giá kỳ trước

(4.260.497.857)

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền

(6.090.819.020)

- Các khoản điều chỉnh giảm

(519.811)

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và
 các khoản phải thu

(4.259.978.046)

Chi phí trích trước năm nay đã có hóa
 đơn chứng từ

(6.090.819.020)

Thu nhập chịu thuế

36.782.823.041

Thu nhập được miễn thuế (cò tục được chia)

38.554.392.931

Thu nhập tính thuế

34.022.823.041

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

6.804.564.608

7.581.278.586

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện
 hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế
 đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số
 thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.028.019.611	474.936.021
Chi phí phải trả ngắn hạn	
Phải trả các bên liên quan	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi phí xếp dỡ	4.862.285.975
Công ty Cổ phần Vạn tài Bộ Tân Cảng	165.733.636
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.495.589.770
Chi phí lãi vay	698.154.478
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	312.858.500
Chi phí thuế kho	
Chi phí khai thuê Hải quan	157.600.000
	368.228.000
	16.667.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số cuối kỳ	Số đầu năm
400.676.280	3.102.560.000
926.300.512	297.587.025
7.523.609.381	4.259.978.046

Chi phí cho người lao động

Các chi phí khác

Công

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả các bên liên quan

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Cổ tức phải trả

Phải trả các đơn vị và cá nhân khác

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm y tế

Nhân kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn

Cổ tức, lợi nhuận phải trả

Tiền hoa hồng môi giới

Các khoản phải trả người lao động

Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Công

16b. Phải trả dài hạn khác

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Nhân kỳ quỹ, kỳ cược

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

Công ty chỉ có khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh V.17b).

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Kỳ này	Kỳ trước
28.876.936.720	25.020.078.720
14.438.468.360	16.511.079.860
(14.438.468.360)	(13.273.721.860)

Số đầu năm

Số tiền vay phát sinh

Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn

Số tiền vay đã trả

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số cuối kỳ

28.876.936.720

28.257.436.720

17b. Vay dài hạn

Công ty chỉ có khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất từ 7,9% đến 9,2%. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9) và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHD ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho kỹ giữa Công ty Cổ phần Kho Vạn Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn từ cổ và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	Số cuối kỳ
28.876.936.720	28.876.936.720
73.126.239.937	73.126.239.937
7.443.800.610	7.443.800.610
109.446.977.267	109.446.977.267

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	Kỳ này	Kỳ trước
104.947.135.127	95.008.508.907	104.947.135.127
18.378.047.000		18.378.047.000
Số tiền vay phát sinh		
Số tiền vay đã trả		
Kết chuyển sang vay và nợ ngân hàng		
Số cuối kỳ	80.570.040.547	106.814.102.267

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, Ban quản lý, điều hành	Công
3.687.954.616	5.365.913.339	279.166.667	9.333.034.622
Tăng do trích lập từ lợi nhuận kỳ này	2.539.204.221		3.808.806.332
Tăng khác	75.000.000		75.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(1.493.200.000)		(4.517.027.500)
Số cuối kỳ	3.539.356.727	4.881.290.060	8.699.813.454

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
149.982.580.000	32.497.387.700	86.443.794.906	268.923.762.606
Số dư đầu năm trước	31.690.661.865		
Lợi nhuận trong kỳ trước	3.169.066.187	(7.922.665.467)	(4.753.599.280)
Trích lập các quỹ trong kỳ trước		(317.911.363)	(317.911.363)
Chia cổ tức điều hành		(26.996.864.400)	
Số dư cuối kỳ trước	35.666.453.887	82.897.015.541	268.546.049.428
149.982.580.000	40.790.707.686	94.052.887.978	284.826.175.664
Số dư cuối kỳ này	2.539.204.221	(6.348.010.553)	(3.808.806.332)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận kỳ này		25.392.042.217	25.392.042.217
Lợi nhuận trong kỳ này	38.251.503.465	102.005.720.714	290.239.804.179
Số dư đầu năm này	149.982.580.000		

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Số cuối kỳ	Số đầu năm
88.500.000.000	88.500.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tân Cảng Sài Gòn	
Các cổ đông khác	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)	VND	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
Công ty TNHH Một thành viên Tân Cảng Sài Gòn	59,01%	88.500.000.000	88.500.000.000	
Các cổ đông khác	40,99%	61.482.580.000	61.482.580.000	149.982.580.000
Cộng	100%	149.982.580.000	149.982.580.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

Số cuối kỳ	Số đầu năm
14.998.258	14.998.258
14.998.258	14.998.258
14.998.258	14.998.258

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành

Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19a. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 2018/NQ-BHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017

- Chia cổ tức cho các cổ đông
- Trích quỹ thưởng ban điều hành Công ty mẹ
- Trích quỹ lợi nhuận sau thuế năm 2018
- Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)
- Trích quỹ khen thưởng (5%)
- Trích quỹ phúc lợi (10%)

26.996.864.400	279.166.667
2.539.204.221	2.539.204.221
1.269.602.111	1.269.602.111
2.539.204.221	2.539.204.221

VND

20. Các khoản mục ngoại Bảng cần đối kê toàn giữa niên độ

Ngài tế các loại	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	2.645,74	50,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	276.810.302.835	262.417.070.536

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	108.754.003.205	97.792.448.420

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

2.131.050.455

16.750.000

88.827.273

752.000

196.708.955

7.272.727

44.850.000

20.569.455

6.667.500

6.000.000

Năm nay

2.131.050.455

16.750.000

88.827.273

752.000

196.708.955

7.272.727

44.850.000

20.569.455

6.667.500

6.000.000

Công ty Cổ phần Vạn tải Bộ Tân Cảng

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vạn tải Xếp

đồ Tân Cảng

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sông Thân

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh

Công ty Cổ phần Vạn tải Thủy Tân Cảng

Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ

227.199.325.928

202.821.630.461

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng

3.150.836.796

2.570.825.366

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh

73.483

49.683.568

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản

519.811

648.000.000

Cổ tức, lợi nhuận được chia

2.760.000.000

3.268.508.934

Cộng

5.911.430.090

3.268.508.934

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay

5.273.372.883

5.917.210.139

Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh

5.775

30.215.676

Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản

5.273.378.658

750

mức tiền tệ có gốc ngoại tệ

5.947.426.565

Cộng

5.273.378.658

5.947.426.565

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

750

30.215.676

5.917.210.139

5.947.426.565

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài
Các chi phí khác

Năm nay		Năm trước	
674.601.802	1.970.132.287	802.174.760	1.826.902.883
2.644.734.089	2.629.077.643		

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên
Chi phí vật liệu quản lý
Chi phí đồ dùng văn phòng
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Thuế, phí và lệ phí
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Các chi phí khác

Năm nay		Năm trước	
6.705.877.200	401.412.459	5.762.766.925	278.417.186
312.711.670	391.292.051	602.433.754	391.292.051
612.636.326	22.576.183	602.433.754	105.153.960
3.335.070.510	22.576.183	2.922.867.264	105.153.960
4.379.064.085	4.507.834.679	14.570.765.819	4.507.834.679
15.769.348.433	14.570.765.819		

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới
Thu nhập khác

Năm nay		Năm trước	
131.688.308	14.913.972	285.035.285	910.403
369.540.053	14.913.972	285.035.285	910.403
516.142.333	285.945.688		

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

8. Chi phí khác

Chi phí phải trả thường xuyên
Chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa
Chi phí hỗ trợ
Chi phí khác

Năm nay		Năm trước	
552.914.991	113.175.682	174.180.955	8.000.000
1.137.207	348.817	520.713	182.701.668
667.576.697	182.701.668		

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

008 NH TY HUY C.TU NO TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
Năm nay	Năm trước	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(1.365.090.981)	(670.181.253)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	851.995.609	1.218.163.804
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(513.095.372)	547.982.551

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
Năm nay	Năm trước	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.184.306.761	17.119.943.799
Chi phí nhân công	56.160.463.893	63.665.140.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.606.170.670	24.443.263.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.485.881.353	100.519.960.321
Chi phí khác	12.176.585.773	14.273.166.252
Cộng	245.613.408.450	220.021.473.923

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	939.187.853	963.822.994
Tiền thưởng	211.691.354	223.631.787
Cộng	1.150.879.207	1.187.454.781

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

1b.

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sông Hàn	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Miền Trung
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng	Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty TNHH Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty Cổ phần Thuong mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty Cổ phần Tân Cảng Tân Cảng
Giao dịch với các bên liên quan khác	
Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trong yếu tố khác với các bên liên quan khác như sau:	

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
11.137.622.000	4.626.984.227
7.500.000.000	7.500.000.000
595.800.000	740.000.000
1.323.081.267	1.183.273.079
	15.930.000.000

Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:

Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	3.606.626.415
Công ty Cổ phần Dịch Kỹ thuật Tân Cảng	5.785.480.876
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	1.452.229.242
Công ty Cổ phần Giải Pháp Công Nghệ Thông Tin Tân Cảng	641.050.900
Công ty Cổ phần Vạn tài Thủy Tân Cảng	138.575.250
Công ty Cổ phần Vạn tài Bộ Tân Cảng	3.290.965.128
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sông Thân	2.722.002.700
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.589.403.773
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	189.996.137
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	357.221.000
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	183.400.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	4.900.000
Chi phí xây dựng cơ bản	10.162.816.891

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chi hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Trần Quang Thảo



40